TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Tấn Hưng

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Ánh H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp G, xã C, TP ., tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố G, đặc khu P, tỉnh An Giang)

- *Bị đơn:* Ông **Đinh T** (Dinh Thang T1)**,** sinh năm 1974

Địa chỉ: E N B, USA

Chỗ ở hiện nay: 864 County R, Mineola TX 75773 USA

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Lê Ánh H trình bày:

Bà và ông Đinh T (Dinh Thang T1) tự quen biết, tìm hiểu nhau. Quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh K vào 09/3/2005.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại ấp G, xã C, huyện P (nay là khu phố G, đặc khu P) khoảng 01 tháng, sau đó ông T trở về Mỹ sinh

sống và định cư lâu dài từ đó đến nay. Do thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Đinh T (Dinh Thang T).

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đinh T (Dinh Thang T1) trình bày tại bản tự khai ngày 23/6/2025 (có hợp pháp hoá lãnh sự): Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Lê Ánh H trình bày. Ông xác định giữa ông và bà Lê Ánh H không còn tình cảm vợ chồng nên không thể đoàn tụ. Hiện nay ông đang làm việc và cư trú lâu dài tại Hoa Kỳ nên không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà Lê Ánh H. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Ánh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Ánh H, bị đơn ông Đinh T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Lê Ánh H và ông Đinh T.

[2]. Về nội dung: Bà Lê Ánh H và ông Đinh T tự quen biết, tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh K (nay là An Giang) vào ngày 09/3/2005 nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nguyên nhân ly hôn: Bà Lê Ánh H và ông Đinh T không có nhiều thời gian chung sống, tính cách không hợp nhau nên ông bà đã có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2005 đến nay. Hiện tại bà Lê Ánh H và ông Đinh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, bà H sống tại Việt Nam, ông T cư trú làm việc lâu dài tại Hoa Kỳ nên ông bà thống nhất ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Ánh H và ông Đinh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà Lê Ánh H và ông Đinh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Ánh H và ông Đinh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Ánh H phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

[4] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

- Phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lê Ánh H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà H đã nộp theo biên lai 0006341 ngày 05/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

- Chi phí ủy thác thực tế: Bà Lê Ánh H phải chịu chi phí thực tế là 95 (Chín mươi lăm) đô la, bà H đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 228, Điều 238, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ánh H về việc ly hôn với bị đơn ông Đinh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ánh H được ly hôn với ông Đinh T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Lê Ánh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 9 ngày 09/4/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

4. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp:

Phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lê Ánh H phải chịu phí ủy thác tư pháp 200.000đ, bà H đã nộp theo biên lai 0006341 ngày 05/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Chi phí ủy thác thực tế: Bà Lê Ánh H phải chịu chi phí thực tế là 95 (Chín mươi lăm) đô la, bà H đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Bà Lê Ánh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Riêng ông Đinh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND đặc khu Phú Quốc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường